

动作·中英闪卡

English · 中文 · 拼音 · 8 cards



run

跑

pǎo



eat

吃

chī



drink

喝

hē



sleep

睡觉

shuìjiào



read

读

dú



write

写

xiě



sing

唱歌

chàngē



dance

跳舞

tiàowǔ